

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Đợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2019 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng M, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà Lê Thị Kim A (nguyên đơn) trình bày: bà và ông Phạm Hồng M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh năm 1998, cháu Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/ 2012, hiện hai cháu H và T đã đủ 18 tuổi trưởng thành còn cháu Phạm Bảo H đang chung sống với cả hai vợ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc

với nhau được một thời gian đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, không hạnh phúc nhưng vì các con đang còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn để khuyên bảo ông M nhưng ông M không thay đổi, nay đã hết tình cảm với nhau nên bà A xin được ly hôn với ông Phạm Hồng M.

Về con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với ông Phạm Hồng M (bị đơn) trong quá trình giải quyết:* ông và bà Lê Thị Kim A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh năm 1998, cháu Phạm Thị Thu T, sinh năm 2001 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/2012, hiện hai cháu H và T đã đủ 18 tuổi trưởng thành còn cháu Phạm Bảo H đang chung sống với cả hai ông bà. Trong thời gian chung sống ông bà có căn nhà và đất ở tổ dân phố A, thị trấn Đ, tuy nhiên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong thời gian chung sống vợ chồng ông cũng không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải ly hôn, lâu lâu ông chỉ tụ tập bạn bè ăn chơi nên vợ ông không đồng ý, có lần ông đi mát – xa quá đà dẫn đến vợ ghen tuông xảy ra mâu thuẫn, chuyện này đã xảy ra từ rất lâu nhưng vợ làm to chuyện lên rồi giờ làm đơn ly hôn, do vậy với yêu cầu ly hôn của bà A ông không đồng ý ly hôn, nếu bà A cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/2012.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Kim A được ly hôn với ông Phạm Hồng M.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Bảo H sinh ngày 15/8/2012 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Lê Thị Kim A (nguyên đơn) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Phạm Hồng M, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Phạm Hồng M) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đối với ông Phạm Hồng M (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử ông M có đơn xin hoãn phiên tòa để về hòa giải vợ chồng, sau đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông M tuy nhiên ông M có tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và đây là lần vắng mặt thứ hai của ông M. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4] 2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim A và ông Phạm Hồng M kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 18/3/1998, cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 16/2/2001 và cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/2012, hiện hai cháu H và T đã đủ 18 tuổi trưởng thành, còn cháu H đang ở chung cùng hai vợ chồng. Trong cuộc sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tuy cùng sống chung trong nhà nhưng ông bà đã ly thân một năm không ai quan tâm chăm sóc nhau; Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục

đích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim A.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi con là cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/8/2012, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hiện cháu Phạm Bảo H đang chung sống với cả hai vợ chồng, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Về hoàn cảnh kinh tế bà A làm nghề buôn bán kinh doanh giày dép, ông M làm phụ hồ, công việc không ổn định, cháu H lại là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục sẽ tốt hơn về cả thể chất và tinh thần của cháu, vì vậy cần giao cháu H cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim A về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Kim A được ly hôn với ông Phạm Hồng M.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 15/08/2012; cho bà Lê Thị Kim A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Phạm Hồng M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, bà Lê Thị Kim A không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001649 ngày 05/08/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mận

